

## TIẾT 77

### Bài 25. PHÉP CỘNG VÀ PHÉP TRỪ PHÂN SỐ (Tiết 1)

#### I. MỤC TIÊU

##### 1. Yêu cầu cần đạt

Nhận biết được quy tắc cộng phân số. Nhận biết được số đối của một phân số.

##### 2. Phát triển năng lực

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Trình bày được kết quả học tập, biết chia sẻ giúp đỡ bạn thực hiện nhiệm vụ học tập, biết tranh luận và bảo vệ ý kiến của mình.
- Năng lực tự chủ và tự học: Học sinh xác định đúng đắn động cơ thái độ học tập; tự đánh giá và điều chỉnh được kế hoạch học tập.

- Năng lực mô hình hóa toán học: Thực hiện được phép cộng hai phân số cùng mẫu và không cùng mẫu. Có kĩ năng tìm số đối của một số phân số. Vận dụng giải quyết các bài toán thực tiễn có liên quan.

### 3. Phẩm chất

- Chăm chỉ: Hoàn thành nhiệm vụ học tập mà giáo viên đưa ra. Chú ý lắng nghe, tích cực làm bài tập.
- Trách nhiệm: Chủ động khi thực hiện nhiệm vụ được giao. Trách nhiệm khi báo cáo kết quả hoạt động nhóm.

## II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của GV: Máy chiếu, máy tính, các phiếu học tập.

2. Chuẩn bị của HS: Bộ đồ dùng học tập.

## III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

### Hoạt động 1: MỞ ĐẦU (3 phút)

a) **Mục tiêu:** Gợi mở vấn đề sẽ được học trong bài.

b) **Nội dung:** Chúng ta đã biết cách thực hiện phép cộng hai phân số ở Tiểu học. Ở bài học này chúng ta sẽ cùng tìm hiểu về quy tắc cộng hai phân số với tử và mẫu là các số nguyên.

c) **Sản phẩm:** HS lắng nghe.

d) **Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– GV dẫn dắt vào bài mới.	HS lắng nghe.

### Hoạt động 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI (25 phút)

#### 1. Cộng hai phân số cùng mẫu

a) **Mục tiêu:** Nhận biết được quy tắc và thực hiện được phép cộng hai phân số cùng mẫu.

b) **Nội dung:**

– Thực hiện HĐ1: Em hãy nhắc lại quy tắc cộng hai phân số cùng mẫu (có tử và mẫu dương) rồi tính các tổng  $\frac{8}{11} + \frac{3}{11}$  và  $\frac{9}{12} + \frac{11}{12}$ .

+ GV kết luận quy tắc cộng hai phân số cùng mẫu có tử và mẫu là các số nguyên.

– HS đọc hộp kiến thức ghi nhớ.

– Đọc Ví dụ 1, trình bày lời giải.

– Thực hiện Luyện tập 1. Tính:  $\frac{-7}{12} + \frac{5}{12}$ ;  $\frac{-8}{11} + \frac{-19}{11}$ .

**c) Sản phẩm:**

– HD1: Muốn cộng hai phân số cùng mẫu ta cộng hai tử số với nhau và giữ nguyên mẫu số.

$$\frac{8}{11} + \frac{3}{11} = \frac{8+3}{11} = \frac{11}{11} = 1; \quad \frac{9}{12} + \frac{11}{12} = \frac{9+11}{12} = \frac{20}{12} = \frac{5}{3}.$$

– Quy tắc cộng hai phân số cùng mẫu:  $\frac{a}{m} + \frac{b}{m} = \frac{a+b}{m}$ .

– Ví dụ 1:  $\frac{-4}{7} + \frac{3}{7} = \frac{(-4)+3}{7} = \frac{-1}{7}$ ;  $\frac{-6}{13} + \frac{-8}{13} = \frac{(-6)+(-8)}{13} = \frac{-14}{13}$ .

– Luyện tập 1:  $\frac{-7}{12} + \frac{5}{12} = \frac{(-7)+5}{12} = \frac{-2}{12} = \frac{-1}{6}$ ;  $\frac{-8}{11} + \frac{-19}{11} = \frac{(-8)+(-19)}{11} = \frac{-27}{11}$ .

**d) Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
<p>– GV chiếu hình nội dung HD1.</p> <p>+ Phát vấn HS tại chỗ nhắc lại quy tắc cộng hai phân số cùng mẫu đã học ở tiểu học.</p> <p>+ Dựa vào quy tắc vừa nêu gọi 2 HS lên bảng thực hiện phép tính</p> <p>Nhận xét, đánh giá bài làm của HS. GV nhấn mạnh kết quả của phép cộng hai phân số là phân số tối giản.</p> <p>– GV khẳng định quy tắc trên vẫn đúng với các phân số có tử và mẫu là các số nguyên.</p> <p>– GV chiếu nội dung hộp kiến thức.</p> <p>– GV thực hiện Ví dụ 1 trên bảng và hướng dẫn HS cách trình bày.</p>	<p>HS trả lời.</p> <p>HS hoạt động cá nhân.</p> <p>2 HS lên bảng thực hiện.</p> <p>HS nhận xét.</p> <p>HS đọc, ghi nhớ.</p> <p>HS quan sát, ghi chép.</p>
<p>– GV yêu cầu thực hiện Luyện tập 1.</p> <p>+ 2 HS lên bảng thực hiện, còn lại HS thực hiện vào vở.</p> <p>+ GV quan sát những sai sót để sửa chữa kịp thời.</p> <p>Nhận xét, đánh giá bài làm của HS. Lưu ý sai lầm dễ mắc phải của HS <math>\frac{-7}{12} + \frac{5}{12} = \frac{(-7)+5}{12} = \frac{-2}{12}</math>.</p>	<p>HS hoạt động cá nhân.</p> <p>2 HS lên bảng thực hiện.</p> <p>HS nhận xét.</p>

## 2. Cộng hai phân số không cùng mẫu

a) **Mục tiêu:** Nhận biết được quy tắc và thực hiện được phép cộng hai phân số không cùng mẫu.

b) **Nội dung:**

– Thực hiện HĐ2: Để thực hiện phép cộng  $\frac{5}{7} + \frac{-3}{4}$ , em hãy làm theo các bước sau:

+ Quy đồng mẫu hai phân số  $\frac{5}{7}$  và  $\frac{-3}{4}$ .

+ Sử dụng quy tắc cộng hai phân số cùng mẫu để tính tổng hai phân số sau khi đã quy đồng.

+ GV kết luận quy tắc cộng hai phân số không cùng mẫu có tử và mẫu là các số nguyên.

– HS đọc hộp kiến thức ghi nhớ.

– Đọc Ví dụ 2, trình bày lời giải.

– Thực hiện Luyện tập 2: Tính:  $\frac{-5}{8} + \frac{-7}{20}$ .

c) **Sản phẩm:**

– HĐ2: BCNN(7, 4) = 28; TSP:  $28 : 7 = 4$ ;  $28 : 4 = 7$ .

Quy đồng:  $\frac{5}{7} = \frac{5.4}{7.4} = \frac{20}{28}$ ;  $\frac{-3}{4} = \frac{(-3).7}{4.7} = \frac{-21}{28}$ .

$$\frac{5}{7} + \frac{-3}{4} = \frac{20}{28} + \frac{-21}{28} = \frac{20 + (-21)}{28} = \frac{-1}{28}.$$

– Quy tắc cộng hai phân số không cùng mẫu: Muốn cộng hai phân số không cùng mẫu, ta viết chúng dưới dạng hai phân số cùng mẫu rồi cộng các tử và giữa nguyên mẫu chung.

– Ví dụ 2:

$$\frac{-5}{6} + \frac{7}{9} = \frac{(-5).3}{6.3} + \frac{7.2}{9.2} = \frac{-15}{18} + \frac{14}{18} = \frac{(-15) + 14}{18} = \frac{-1}{18}.$$

– Luyện tập 2:

$$\frac{-5}{8} + \frac{-7}{20} = \frac{(-5).5}{8.5} + \frac{(-7).2}{20.2} = \frac{-25}{40} + \frac{-14}{40} = \frac{(-25) + (-14)}{40} = \frac{-39}{40}.$$

d) **Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– GV chiếu hình nội dung HĐ2 và yêu cầu HS thảo luận hoàn thành vào phiếu học tập theo nhóm. Nhận xét, đánh giá bài làm của HS. Tán thưởng cho nhóm làm đúng, làm nhanh nhất.	HS hoạt động nhóm. HS báo cáo chia sẻ. HS nhận xét.

– GV chiếu nội dung hộp kiến thức.	HS đọc, ghi nhớ.
– GV thực hiện Ví dụ 2 trên bảng, thuyết trình các bước và hướng dẫn HS cách trình bày.	HS quan sát, ghi chép.
– GV yêu cầu thực hiện Luyện tập 2.	HS hoạt động cá nhân.
+ 1 HS lên bảng thực hiện, còn lại HS thực hiện vào vở.	2 HS lên bảng thực hiện.
+ GV quan sát những sai sót để sửa chữa kịp thời.	HS nhận xét.
Nhận xét, đánh giá bài làm của HS.	

### 3. Số đối

a) **Mục tiêu:** Hình thành khái niệm số đối.

b) **Nội dung:**

– Thực hiện HĐ3: Tính các tổng  $\frac{1}{2} + \frac{-1}{2}$ ;  $\frac{1}{2} + \frac{1}{-2}$ . Em có nhận xét gì về các kết quả nhận được?

+ GV rút ra kết luận về số đối.

– HS đọc hộp kiến thức ghi nhớ.

– Thực hiện Luyện tập 3: Tìm số đối của các phân số sau:  $\frac{1}{3}$ ;  $\frac{-1}{3}$  và  $\frac{-4}{5}$ .

c) **Sản phẩm:**

– HĐ3:  $\frac{1}{2} + \frac{-1}{2} = \frac{1+(-1)}{2} = \frac{0}{2} = 0$ ;  $\frac{1}{2} + \frac{1}{-2} = \frac{1}{2} + \frac{-1}{2} = \frac{1+(-1)}{2} = \frac{0}{2} = 0$ .

Kết quả của các phép tính trên đều bằng 0.

– Kết luận hai số đối nhau:  $\frac{a}{b} + \left(-\frac{a}{b}\right) = 0$ . Kí hiệu: Số đối của phân số  $\frac{a}{b}$  là  $-\frac{a}{b}$ .

– Luyện tập 3: Số đối của phân số  $\frac{1}{3}$  là  $\frac{-1}{3}$ ; Số đối của phân số  $\frac{-1}{3}$  là  $\frac{1}{3}$ ; Số đối của phân số  $\frac{-4}{5}$  là  $\frac{4}{5}$ .

d) **Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– GV chiếu hình nội dung HĐ3 và yêu cầu HS thực hiện. + Gọi 2 HS lên bảng thực hiện phép tính. + Phát vấn HS tại chỗ: Em có nhận xét gì về các kết quả trên?	HS hoạt động cá nhân. 2 HS lên bảng thực hiện. HS trả lời.

Nhận xét, đánh giá bài làm của HS. – GV rút ra kết luận về số đối, chiếu nội dung hộp kiến thức. – GV lưu ý cho HS: $+ -\frac{a}{b} = \frac{-a}{b} = \frac{a}{-b}$ . Chiếu ví dụ cụ thể: $\frac{-1}{2}$ và $\frac{1}{-2}$ đều là số đối của $\frac{1}{2}$ . Do đó: $-\frac{1}{2} = \frac{-1}{2} = \frac{1}{-2}$ . + Số đối của 0 là 0. – GV yêu cầu thực hiện Luyện tập 2. GV phát vấn một vài HS cho kết quả. Nhận xét, đánh giá câu trả lời của HS.	HS nhận xét. HS đọc, ghi nhớ.  HS hoạt động cá nhân. HS báo cáo chia sẻ. HS nhận xét.
--	--

### Hoạt động 3: LUYỆN TẬP (10 phút)

a) **Mục tiêu:** Củng cố phép cộng hai phân số. Củng cố khái niệm số đối.

b) **Nội dung:**

– Bài tập 6.21/SGK tr.18: Tính:

a)  $\frac{-1}{13} + \frac{9}{13}$ ;                      b)  $\frac{-3}{8} + \frac{5}{12}$ .

– Bài tập 6.22/SGK tr.18: Tìm số đối của các phân số sau:  $\frac{-3}{7}$ ;  $\frac{6}{13}$ ;  $\frac{4}{-3}$ .

c) **Sản phẩm:**

– Bài tập 6.21/SGK tr.18:

a)  $\frac{-1}{13} + \frac{9}{13} = \frac{(-1)+9}{13} = \frac{8}{13}$ ;

b)  $\frac{-3}{8} + \frac{5}{12} = \frac{(-3).3}{8.3} + \frac{5.2}{12.2} = \frac{-9}{24} + \frac{10}{24} = \frac{(-9)+10}{24} = \frac{1}{24}$ .

– Bài tập 6.22/SGK tr.18:

Số đối của phân số  $\frac{-3}{7}$  là  $\frac{3}{7}$ ; Số đối của phân số  $\frac{6}{13}$  là  $\frac{-6}{13}$ ; Số đối của phân số  $\frac{4}{-3}$  là  $\frac{4}{3}$ .

d) **Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– GV yêu cầu HS thực hiện Bài tập 6.21/SGK tr.18 vào vở. Gọi 2 HS lên bảng thực hiện.	HS hoạt động cá nhân. 2 HS lên bảng thực hiện.

+ GV quan sát những sai sót để sửa chữa kịp thời. Nhận xét, đánh giá cho điểm bài làm của HS.	HS nhận xét.
– GV yêu cầu HS thực hiện Bài tập 6.22/SGK tr.18, GV phát vấn một vài HS cho kết quả. Nhận xét, đánh giá câu trả lời của HS.	HS hoạt động cá nhân. HS báo cáo chia sẻ. HS nhận xét.

#### **Hoạt động 4: VẬN DỤNG (5 phút)**

**a) Mục tiêu:** Vận dụng giải quyết các bài toán thực tiễn có liên quan.

**b) Nội dung:**

Bài tập 6.26a/SGK tr.18: Mai tự nhằm tính về thời gian biểu của mình trong một ngày thì thấy:  $\frac{1}{3}$  thời gian là dành cho việc học ở trường;  $\frac{1}{24}$  thời gian là dành cho các hoạt động ngoại khoá;  $\frac{7}{16}$  thời gian dành cho hoạt động ăn, ngủ. Còn lại là thời gian dành cho các công việc cá nhân khác. Hỏi Mai đã dành bao nhiêu phần thời gian trong ngày cho việc học ở trường và hoạt động ngoại khoá?

**c) Sản phẩm:** Đáp án:  $\frac{1}{3} + \frac{1}{24} = \frac{9}{24} = \frac{3}{8}$  (thời gian trong ngày).

**d) Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– GV yêu cầu HS thảo luận nhóm hoàn thành Bài tập 6.26a/SGK tr.18. Nhận xét, đánh giá câu trả lời của HS. Tán thưởng cho nhóm làm đúng, làm nhanh nhất.	HS hoạt động nhóm. HS báo cáo chia sẻ.

#### **HƯỚNG DẪN TỰ HỌC Ở NHÀ (2 phút)**

- Ôn tập lại kiến thức về phép cộng hai phân số.
- Xem lại các bài tập đã làm.
- Tìm hiểu trước phần: *Tính chất của phép cộng phân số. Phép trừ hai phân số.*

## Bài 25. PHÉP CỘNG VÀ PHÉP TRỪ PHÂN SỐ (Tiết 2)

### I. MỤC TIÊU

#### 1. Yêu cầu cần đạt

Nhận biết các tính chất cơ bản của phép cộng phân số: giao hoán, kết hợp, cộng với số 0.

#### 2. Phát triển năng lực

- Năng lực giáo tiếp và hợp tác: Học sinh chủ động tham gia, phối hợp và trao đổi thông qua hoạt động nhóm.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Học sinh chia sẻ sự am hiểu vấn đề với người khác, biết đề xuất, lựa chọn được cách thức giải quyết vấn đề.
- Năng lực mô hình hóa toán học: Thực hiện được phép trừ phân số. Vận dụng được các tính chất của phép cộng và quy tắc dấu ngoặc trong tính toán nhất là khi cộng nhiều phân số. Giải quyết được các bài toán thực tiễn có liên quan.

#### 3. Phẩm chất

- Chăm chỉ: Chú ý lắng nghe, tích cực làm bài tập.
- Trách nhiệm: Chủ động khi thực hiện nhiệm vụ được giao, trách nhiệm khi báo cáo kết quả hoạt động nhóm.

### II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của GV: Máy chiếu, máy tính, các phiếu học tập, bảng nhóm.

2. Chuẩn bị của HS: Bộ đồ dùng học tập.

### III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

#### Hoạt động 1: MỞ ĐẦU (3 phút)

a) **Mục tiêu:** Gọi mở vấn đề sẽ được học trong bài.

b) **Nội dung:** Tuấn ước tính cần 3 giờ ngày Chủ nhật để hoàn thành một bức tranh tặng mẹ nhân ngày Quốc tế Phụ nữ 8/3. Buổi sáng bạn dành ra  $\frac{2}{3}$  giờ để vẽ, buổi chiều bạn tiếp tục dành  $\frac{5}{3}$  giờ để vẽ. Hỏi buổi tối Tuấn cần dành khoảng bao nhiêu giờ nữa để hoàn thành bức tranh?

c) **Sản phẩm:** HS đưa ra suy luận của bản thân.



**d) Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– GV chiếu nội dung đặt vấn đề, dẫn dắt vào bài.	HS lắng nghe.
– GV yêu cầu HS suy nghĩ trả lời.	HS suy luận.

**Hoạt động 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI (22 phút)**

**1. Tính chất của phép cộng phân số.**

**a) Mục tiêu:** Nhận biết và vận dụng được các tính chất của phép cộng và quy tắc dấu ngoặc trong tính toán.

**b) Nội dung:**

– Đọc hiểu – Nghe hiểu thông tin trong SGK.

– Đọc Ví dụ 3, trình bày lời giải. GV rút ra tính chất cộng với số 0.

– Luyện tập 4: Tính một cách hợp lí:  $B = \frac{-1}{9} + \frac{8}{7} + \frac{10}{9} + \frac{-29}{7}$ .

**c) Sản phẩm:**

– Ví dụ 3:  $A = \frac{-3}{5} + \frac{3}{5} + \frac{1}{7} + \frac{-5}{7} = \left(\frac{-3}{5} + \frac{3}{5}\right) + \left(\frac{1}{7} + \frac{-5}{7}\right) = 0 + \frac{-4}{7} = \frac{-4}{7}$ .

– Luyện tập 4:  $B = \frac{-1}{9} + \frac{8}{7} + \frac{10}{9} + \frac{-29}{7} = \left(\frac{-1}{9} + \frac{10}{9}\right) + \left(\frac{8}{7} + \frac{-29}{7}\right) = \frac{9}{9} + \frac{-21}{7} = 1 + (-3) = -2$ .

**d) Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– GV chiếu nội dung Đọc hiểu – Nghe hiểu thuyết trình giảng cho HS.	HS đọc, ghi nhớ.
– GV thực hiện Ví dụ 3 trên bảng, thuyết trình các bước và hướng dẫn HS cách trình bày.	HS quan sát, ghi chép
– GV rút ra tính chất cộng với số 0: $\frac{a}{b} + 0 = \frac{a}{b}$ .	HS quan sát, ghi nhớ.
– GV yêu cầu thực hiện Luyện tập 4. Gọi HS phân tích đầu bài.	HS trả lời: Tính chất giao hoán, tính chất kết hợp.
+ Áp dụng các tính chất gì để giải quyết đề bài này?	HS hoạt động cá nhân
+ 1 HS lên bảng thực hiện, còn lại HS thực hiện vào vở.	1 HS lên bảng thực hiện
+ GV quan sát những sai sót để sửa chữa kịp thời.	HS nhận xét
Nhận xét, đánh giá bài làm của HS.	

## 2. Phép trừ hai phân số

a) **Mục tiêu:** Nhận biết được quy tắc và thực hiện được phép trừ hai phân số. Mô tả phép trừ thực chất là phép cộng với số đối.

b) **Nội dung:**

– Thực hiện HĐ4: Em hãy nhắc lại quy tắc trừ hai phân số (cả tử và mẫu đều dương) đã học rồi tính các hiệu sau:  $\frac{7}{13} - \frac{5}{13}$  và  $\frac{3}{4} - \frac{1}{5}$ .

+ GV kết luận quy tắc trừ hai phân số có tử và mẫu là các số nguyên.

– HS đọc hộp kiến thức ghi nhớ.

– Đọc Ví dụ 4, trình bày lời giải.

– Thực hiện Luyện tập 5: Tính: a)  $\frac{3}{5} - \frac{-1}{3}$ ;      b)  $-3 - \frac{2}{7}$ .

– HS đọc nhận xét.

– Đọc Ví dụ 5, trả lời bài toán mở đầu.

c) **Sản phẩm:**

– HĐ4:

+ Muốn trừ hai phân số cùng mẫu ta trừ tử số của phân số thứ nhất cho tử số của phân số thứ hai và giữ nguyên mẫu số.

+ Muốn trừ hai phân số khác mẫu, ta quy đồng mẫu số hai phân số, rồi trừ hai phân số đó.

$$\frac{7}{13} - \frac{5}{13} = \frac{7-5}{13} = \frac{2}{13}; \quad \frac{3}{4} - \frac{1}{5} = \frac{15}{20} - \frac{4}{20} = \frac{15-4}{20} = \frac{11}{20}.$$

– Ví dụ 4:  $\frac{17}{15} - \frac{21}{15} = \frac{17-21}{15} = \frac{-4}{15}$ ;  $\frac{8}{9} - \frac{-1}{3} = \frac{8}{9} - \frac{-3}{9} = \frac{8-(-3)}{9} = \frac{11}{9}$ .

– Luyện tập 5:

a)  $\frac{3}{5} - \frac{-1}{3} = \frac{9}{15} - \frac{-5}{15} = \frac{9-(-5)}{15} = \frac{9+5}{15} = \frac{14}{15}$ ;      b)  $-3 - \frac{2}{7} = \frac{-21}{7} - \frac{2}{7} = \frac{(-21)-2}{7} = \frac{-23}{7}$ .

– Ví dụ 5: Tuấn cần số giờ để hoàn thành bức tranh tặng mẹ là:

$$3 - \frac{2}{3} - \frac{5}{3} = \frac{9}{3} - \frac{2}{3} - \frac{5}{3} = \frac{9-2-5}{3} = \frac{2}{3} \text{ (giờ)}.$$

d) **Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– GV chiếu hình nội dung HĐ4. + Phát vấn HS tại chỗ nhắc lại quy tắc trừ hai phân số đã học ở tiểu học.	HS trả lời. HS hoạt động cá nhân.

<p>+ Dựa vào quy tắc vừa nêu gọi 2 HS lên bảng thực hiện phép tính.</p> <p>Nhận xét, đánh giá bài làm của HS. GV nhấn mạnh kết quả của phép trừ hai phân số là 1 phân số tối giản.</p>	<p>2 HS lên bảng thực hiện.</p> <p>HS nhận xét.</p>
<p>– GV khẳng định quy tắc trên vẫn đúng với các phân số có tử và mẫu là các số nguyên.</p> <p>– GV chiếu nội dung hộp kiến thức.</p> <p>– GV thực hiện Ví dụ 4 trên bảng và hướng dẫn HS cách trình bày.</p> <p>– GV yêu cầu thực hiện Luyện tập 5.</p> <p>+ 2 HS lên bảng thực hiện, còn lại HS thực hiện vào vở.</p> <p>+ GV quan sát những sai sót để sửa chữa kịp thời.</p> <p>Nhận xét, đánh giá bài làm của HS. Lưu ý sai lầm dễ mắc phải của HS <math>\frac{3}{5} - \frac{-1}{3} = \frac{9}{15} - \frac{-5}{15} = \frac{9-5}{15} = \frac{9-5}{15} = \frac{4}{15}</math>.</p> <p>– GV chiếu nội dung nhận xét thuyết trình và cho ví dụ minh họa, nhấn mạnh phép trừ là phép toán ngược của phép cộng.</p> <p>– GV chiếu lại bài toán mở đầu và yêu cầu HS đọc, làm lại bài toán này.</p> <p>Nhận xét, đánh giá bài làm của HS.</p>	<p>HS đọc, ghi nhớ.</p> <p>HS quan sát, ghi chép.</p> <p>HS hoạt động cá nhân.</p> <p>2 HS lên bảng thực hiện.</p> <p>HS nhận xét.</p> <p>HS quan sát, ghi nhớ.</p> <p>HS đọc, thực hiện cá nhân.</p> <p>HS báo cáo chia sẻ.</p> <p>HS nhận xét.</p>

### Hoạt động 3: LUYỆN TẬP (12 phút)

a) **Mục tiêu:** Củng cố phép trừ hai phân số. Vận dụng các tính chất của phép cộng để tính nhanh.

b) **Nội dung:**

– Bài tập 6.23/SGK tr.18: Tính:

a)  $\frac{-5}{3} - \frac{-7}{3}$ ;                      b)  $\frac{5}{6} - \frac{8}{9}$ .

– Bài tập 6.24/SGK tr.18: Tính một cách hợp lí:  $A = \left(-\frac{3}{11}\right) + \frac{11}{8} - \frac{3}{8} + \left(-\frac{8}{11}\right)$ .

c) **Sản phẩm:**

– Bài tập 6.23/SGK tr.18:

a)  $\frac{-5}{3} - \frac{-7}{3} = \frac{(-5) - (-7)}{3} = \frac{(-5) + 7}{3} = \frac{2}{3}$ ;                      b)  $\frac{5}{6} - \frac{8}{9} = \frac{15}{18} - \frac{16}{18} = \frac{15-16}{18} = \frac{-1}{18}$ .

– Bài tập 6.24/SGK tr.18:

$$A = \left(-\frac{3}{11}\right) + \frac{11}{8} - \frac{3}{8} + \left(-\frac{8}{11}\right) = \frac{-3}{11} + \frac{11}{8} - \frac{3}{8} + \frac{-8}{11} = \left(\frac{-3}{11} + \frac{-8}{11}\right) + \left(\frac{11}{8} - \frac{3}{8}\right)$$

$$= \frac{(-3) + (-8)}{11} + \frac{11-3}{8} = -1 + 1 = 0.$$

**d) Tổ chức thực hiện:**

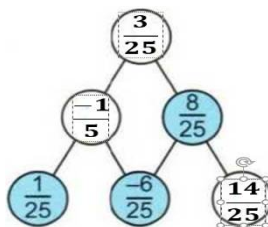
Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
<ul style="list-style-type: none"> <li>- GV yêu cầu HS thực hiện Bài tập 6.23/SGK tr.18 vào vở. Gọi 2 HS lên bảng thực hiện.</li> <li>+ GV quan sát những sai sót để sửa chữa kịp thời.</li> <li>Nhận xét, đánh giá cho điểm bài làm của HS.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>HS hoạt động cá nhân.</li> <li>2 HS lên bảng thực hiện.</li> <li>HS nhận xét.</li> </ul>
<ul style="list-style-type: none"> <li>- GV yêu cầu HS hoàn thành Bài tập 6.24/SGK tr.18 vào phiếu học tập.</li> <li>+ Gọi HS phân tích đầu bài, vấn đáp HS tại chỗ: Lần lượt áp dụng các tính chất gì để giải quyết đề bài này?</li> <li>+ GV thu 5 phiếu học tập của 5 HS hoàn thành nhanh nhất để nhận xét cho điểm. Còn lại HS trao đổi bài, kiểm tra chéo nhau.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>HS trả lời tại chỗ.</li> <li>HS hoạt động cá nhân.</li> <li>HS nhận xét, đánh giá.</li> </ul>

**Hoạt động 4: VẬN DỤNG (6 phút)**

a) **Mục tiêu:** Tổng hợp kiến thức trong toàn bài học.

b) **Nội dung:** Thử thách nhỏ: Thay dấu “?” bằng các phân số thích hợp để hoàn thiện sơ đồ bên, biết số trong mỗi ô ở hàng trên bằng tổng của hai số kề nó trong hai ô ở hàng dưới.

c) **Sản phẩm:** Đáp án:



**d) Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
<ul style="list-style-type: none"> <li>- GV yêu cầu HS thảo luận nhóm hoàn thành thử thách nhỏ vào bảng nhóm, 2 nhóm có kết quả nhanh nhất, treo kết quả lên bảng.</li> <li>Nhận xét, đánh giá bài làm của HS. Tán thưởng cho nhóm làm đúng, làm nhanh nhất.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>HS hoạt động nhóm.</li> <li>HS báo cáo chia sẻ.</li> <li>HS nhận xét.</li> </ul>

### HƯỚNG DẪN TỰ HỌC Ở NHÀ (2 phút)

- Ôn tập lại kiến thức về tính chất của phép cộng phân số và phép trừ hai phân số.
- Làm Bài tập 6.25; 6.26b/SGK tr.18.
- Tìm hiểu trước bài 26. *Phép nhân và phép chia phân số.*